

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1744/STP-VP

V/v lấy ý kiến góp ý dự thảo Thông tư
thay thế Thông tư liên tịch số
23/2014/TT-BTP-BNV

Đồng Nai, ngày 10 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh
và thành phố Biên Hòa.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Văn bản số 2419/BTP-TTCB ngày 04/7/2018 về việc góp ý dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV.

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh góp ý đối với dự thảo Thông tư và các tài liệu kèm theo (dự thảo báo cáo tổng kết, Tờ trình) hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện và công tác tư pháp của UBND cấp xã.

Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo Thông tư và các tài liệu kèm theo, đặc biệt có ý kiến đối với các phương án kiện toàn tổ chức, biên chế các cơ quan tư pháp địa phương và định hướng phát triển của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp và gửi văn bản góp ý về Văn phòng Sở Tư pháp trước ngày **23/7/2018**, đồng thời gửi file góp ý về địa chỉ hộp thư điện tử ngocphucstp@gmail.com.

(Kèm theo dự thảo Thông tư, Tờ trình, Báo cáo tổng kết)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Trang TTĐT;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Viên Hồng Tiến

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2018/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Chương I

SỞ TƯ PHÁP

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; **quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; hòa giải thương mại; đăng ký biện pháp bảo đảm;** quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác tư pháp khác và các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo **nghị quyết**, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực tư pháp;

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm và các đề án, dự án, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện pháp luật thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực tư pháp;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tư pháp; Trưởng, Phó trưởng phòng Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, **thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương** (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác tư pháp ở địa phương.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án trong lĩnh vực tư pháp đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

4. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) *Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, kiểm tra việc đề nghị ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;*

b) *Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân, danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật;*

c) *Tham gia xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do cơ quan chuyên môn khác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì soạn thảo;*

d) *Thẩm định dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;*

đ) *Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp;*

e) *Hướng dẫn việc đánh giá tác động thủ tục hành chính trong quá trình đề nghị xây dựng chính sách và soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân theo quy định của pháp luật.*

5. Về theo dõi thi hành pháp luật:

a) *Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn;*

b) *Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

c) *Tổng hợp, xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và kiến nghị các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành pháp luật với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp;*

d) *Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

6. Về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật:

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **thực hiện việc** tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành **theo quy định của pháp luật;**

b) **Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; hướng dẫn cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) theo quy định của pháp luật;**

c) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý văn bản trái pháp luật đã được phát hiện; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật;

d) **Thực hiện kiểm tra, xử lý đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân; các văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.**

7. Về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

a) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **tổ chức thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định pháp luật;**

b) **Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**

8. Về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành **các đề án, văn bản, chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi các đề án, văn bản, chương trình, kế hoạch được ban hành;**

b) Theo dõi, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn;

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh;

d) Xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; tham gia với các cơ quan có liên quan thực hiện chuẩn hóa đội ngũ

giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật;

đ) *Theo dõi, hướng dẫn, cải tiến việc xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học;*

e) *Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật; hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên theo quy định của pháp luật.*

9. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ về xây dựng xã, phường, thị trấn **đạt chuẩn** tiếp cận pháp luật theo quy định.

10. Về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi: a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi tại địa phương;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định;

c) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định;

d) Đề nghị UBND cấp tỉnh quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trái với quy định của pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật); đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Sở Tư pháp cấp mà phát hiện không đúng quy định pháp luật hộ tịch tại thời điểm đăng ký;

đ) Giải quyết các việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các việc về nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trái với quy định của pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật);

g) Thực hiện các nhiệm vụ để giải quyết hồ sơ xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam; **xin cấp Giấy** xác nhận có quốc tịch Việt Nam; xin cấp giấy xác nhận là người **gốc** Việt Nam; thông báo có quốc tịch Việt Nam; quản lý và lưu trữ hồ sơ về quốc tịch theo quy định của pháp luật.

11. Về lý lịch tư pháp:

a) Xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ và sử dụng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án, cơ quan Thi hành án dân sự, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp; cung cấp Lý lịch tư pháp, thông tin bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp khác;

c) Lập Lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định;

d) Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo thẩm quyền.

12. Về bồi thường nhà nước:

a) *Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật;*

b) *Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật; đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án tại địa phương;*

c) *Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định;*

d) *Tham gia xác minh thiệt hại và thương lượng việc bồi thường tại địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;*

đ) *Đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường, kiến nghị thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ xem xét lại quyết định hoàn trả, giảm mức hoàn trả theo quy định của pháp luật; yêu cầu thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật;*

e) *Phối hợp với Tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường tại địa phương.*

13. Về trợ giúp pháp lý

a) *Quản lý, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; hoạt động tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;*

b) *Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng cấp tỉnh;*

c) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý, miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý;

d) Cấp, thu hồi và cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý; cấp, thay đổi, cấp lại và thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý;

đ) Thực hiện công bố danh sách các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

e) Lựa chọn, ký kết hợp đồng trợ giúp pháp lý với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật trên địa bàn; kiểm tra, giám sát hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, khen thưởng, xử lý vi phạm hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân ký hợp đồng; thanh toán thù lao và chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định.

14. Về luật sư và tư vấn pháp luật:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương;

b) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, phê chuẩn kết quả Đại hội của Đoàn luật sư, giải thể Đoàn luật sư; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới;

c) Cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, Trung tâm tư vấn pháp luật; cấp, thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật;

d) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật; đề nghị Đoàn luật sư cung cấp thông tin về tổ chức và hoạt động của luật sư, yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động khi cần thiết;

đ) Lập danh sách, theo dõi người đăng ký hành nghề tại Đoàn luật sư tại địa phương.

15. Về công chứng:

a) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm Công chứng viên; *thực hiện đăng ký hành nghề và cấp, cấp lại Thẻ công chứng viên; quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng; xóa đăng ký hành nghề, ra quyết định thu hồi Thẻ công chứng viên theo quy định;*

b) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, chuyển đổi, giải thể Phòng Công chứng và cho phép thành lập, thay đổi, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng và thu hồi quyết định *cho phép* thành lập Văn phòng công chứng theo quy định;

c) Cấp, *cấp lại*, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; ghi nhận thay đổi danh sách công chứng viên là thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng; xem xét, thông báo bằng văn bản cho Văn phòng công chứng về việc đăng ký danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng;

d) *Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của Hội công chứng viên tại địa phương;* xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về công chứng theo quy định.

16. Về giám định tư pháp:

a) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp; chuyển đổi loại hình hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp;

b) Cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng giám định tư pháp; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương;

c) Đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp ở địa phương; đề xuất các giải pháp bảo đảm số lượng, chất lượng của đội ngũ người giám định tư pháp theo yêu cầu của hoạt động tố tụng tại địa phương;

d) *Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương theo quy định của pháp luật.*

17. Về đấu giá tài sản

a) *Cấp, cấp lại, thu hồi, thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản, chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản, văn phòng đại diện của doanh nghiệp đấu giá tài sản;*

b) *Cấp, cấp lại, thu hồi thẻ đấu giá viên theo quy định của pháp luật.*

18. Về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

a) *Tổ chức đăng ký hành nghề, lập và công bố danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương;*

b) *Tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;*

xóa tên Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

c) Rà soát, thống kê và báo cáo số liệu về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, hoạt động hành nghề Quản tài viên tại địa phương và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

19. Về hòa giải thương mại

a) Đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại; đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại; thu hồi Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

b) Đăng ký, lập và xóa tên hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở;

c) Cập nhật, công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, tổ chức hòa giải thương mại trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp; rà soát, thống kê, báo cáo số liệu về hòa giải viên thương mại hàng năm tại địa phương.

20. Về trọng tài thương mại

a) Đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của Trung tâm trọng tài;

b) Cập nhật thông tin về Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam;

c) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

21. Về đăng ký giao dịch bảo đảm:

a) Thực hiện kiểm tra định kỳ các Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Định kỳ báo cáo Bộ Tư pháp về việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa phương.

22. Về công tác pháp chế:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch công tác pháp chế hàng năm ở địa phương và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành;

b) Quản lý, kiểm tra công tác pháp chế đối với công chức pháp chế chuyên trách và Phòng Pháp chế trong cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành trong việc hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế đối với công chức pháp chế chuyên trách và Phòng Pháp chế trong cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế đối với tổ chức pháp chế của các doanh nghiệp nhà nước tại địa phương;

đ) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng, củng cố tổ chức pháp chế, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế tại địa phương.

23. Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

24. Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại địa phương; đề xuất việc nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau theo quy định của pháp luật;

b) Phổ biến, tập huấn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

c) Thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của địa phương; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

25. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

26. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tư pháp, pháp luật đối với Phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

27. Kiểm tra, thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành

pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định của pháp luật hoặc theo sự phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

28. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp.

29. Thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và công tác tư pháp theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

30. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

31. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Văn phòng, các phòng chuyên môn nghiệp vụ và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

32. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

33. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp.

34. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

35. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Sở:

a) **Sở Tư pháp có Giám đốc và Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật;**

b) **Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở Tư pháp, là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lãnh đạo công tác của sở; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;**

c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

d) Việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, nhà nước về công tác cán bộ và theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Tư pháp quy định;

đ) Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức của Sở gồm:

a) Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ:

- Văn phòng;
- Thành tra;
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

Số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở được thực hiện như sau:

*** Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt (thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh), Sở Tư pháp được thành lập tối đa 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ sau:**

(1) Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (quản lý công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, công tác pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp);

(2) Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

(3) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật (quản lý công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn tiếp cận pháp luật);

(4) Phòng Hành chính tư pháp (quản lý công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, bồi thường nhà nước, đăng ký giao dịch bảo đảm);

(5) Phòng Hỗ trợ tư pháp (quản lý công tác luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại (nếu có), trợ giúp pháp lý, thừa phát lại (nếu có) và các lĩnh vực tư pháp khác);

(6) Phòng Lý lịch tư pháp.

*** Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I (thành phố trực thuộc trung ương), Sở Tư pháp được thành lập tối đa 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ sau:**

(1) Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật (bao gồm chức năng, nhiệm vụ của Phòng xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật như Sở Tư pháp của đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt nêu trên);

(2) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật;

(3) Phòng Hành chính tư pháp;

(4) Phòng Hỗ trợ tư pháp;

(5) Phòng Lý lịch tư pháp (thành lập theo Đề án của Thủ tướng Chính phủ).

* **Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II và Loại III**, Sở Tư pháp được thành lập tối đa 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ sau:

(1) Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật;

(2) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật;

(3) Phòng Hành chính tư pháp (bao gồm chức năng, nhiệm vụ của Phòng Hành chính tư pháp và Phòng Lý lịch tư pháp như Sở Tư pháp của đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I nêu trên);

(4) Phòng Hỗ trợ tư pháp.

Trường hợp Sở Tư pháp không đủ điều kiện thành lập đủ số lượng phòng như đã nêu trên (tối thiểu 56 biên chế đối với Sở thuộc cấp tỉnh loại đặc biệt (7 biên chế/phòng x 8 phòng, gồm cả Văn phòng và Thanh tra), 42 biên chế đối với cấp tỉnh loại I thì thành lập số lượng và tên phòng như số lượng và tên phòng của Sở thuộc tỉnh loại thấp hơn.

Đối với Sở Tư pháp thuộc tỉnh loại II và III nếu không đủ biên chế để thành lập phòng theo hướng dẫn trên thì Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp theo hướng gồm 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ như sau: (1) Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật; (2) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật; (3) Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp (bao gồm chức năng, nhiệm vụ của Phòng Hành chính tư pháp và Phòng hỗ trợ tư pháp như Sở Tư pháp của đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II, loại III nêu trên).

Trường hợp Sở Tư pháp các thành phố trực thuộc trung ương (Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ) thành lập Phòng Lý lịch tư pháp dẫn đến việc không thành lập được các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác (không đủ biên chế), thì UBND tỉnh xây dựng Đề án, thống nhất với Bộ Tư pháp trước khi thực hiện.

Trường hợp, Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đủ điều kiện thành lập trên 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét việc thành lập Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở.

b) Các tổ chức sự nghiệp thuộc Sở:

- Các Phòng Công chứng;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc Sở Tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Biên chế:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm của công tác tư pháp ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đủ biên chế, đúng tiêu chuẩn theo vị trí việc làm cho Sở Tư pháp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, bảo đảm mỗi Phòng chuyên môn thuộc Sở có Trưởng phòng, **Phó trưởng phòng và các công chức khác**.

b) Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm viên chức và người lao động do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

c) Việc tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức của Sở Tư pháp phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương II

PHÒNG TƯ PHÁP

Điều 4. Vị trí và chức năng

1. Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, **thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương** (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. **Phòng Tư pháp có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng**; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tư pháp.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm về lĩnh vực tư pháp; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong lĩnh vực tư pháp.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện dự thảo các văn bản về lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch trong lĩnh vực tư pháp sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ về công tác tư pháp ở cấp xã.

5. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Phối hợp xây dựng **quyết định** thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân cấp huyện do các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì xây dựng;

b) **Thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện**; góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

6. Về theo dõi thi hành pháp luật:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương;

c) Tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

d) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) **Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành; hướng dẫn công chức tư pháp - hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành theo quy định của pháp luật;**

b) *Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện* thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật;

c) *Thực hiện kiểm tra, xử lý đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân; các văn bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chức danh khác ở cấp xã ban hành, có chứa quy phạm pháp luật.*

8. Về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

a) *Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định pháp luật;*

b) *Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

9. Về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành;

b) Theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra công tác phổ, biến giáo dục pháp luật tại địa phương; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn;

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện;

d) Xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở cấp xã và ở các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở.

10. *Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xem xét, công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.*

11. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ về xây dựng xã, phường, thị trấn **đạt chuẩn** tiếp cận pháp luật theo quy định.

12. Về quản lý và đăng ký hộ tịch:

a) Chỉ đạo, **hướng dẫn** việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và đăng ký hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã;

b) Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trái với quy định của pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật);

c) **Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện** quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định;

d) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật.

13. Thực hiện nhiệm vụ quản lý về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

14. Về chứng thực:

a) Hướng dẫn về nghiệp vụ cho công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc *cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký (bao gồm cả chứng thực chữ ký người dịch) và chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định pháp luật*;

b) Thực hiện *cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký (bao gồm cả chứng thực chữ ký người dịch) và chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định pháp luật* theo quy định của pháp luật.

15. Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương;

b) **Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật**; đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của địa phương.

16. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

17. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác tư pháp đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

18. Tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Phòng.

19. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tư pháp.

20. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tham gia thanh tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động tư pháp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

21. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

22. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản, tài chính của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

23. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức và biên chế

1. Phòng Tư pháp có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các công chức khác. Số lượng Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng và công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã trên địa bàn;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Biên chế công chức của Phòng Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trong tổng biên chế công chức của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Tư pháp phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định và đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Chương III

CÔNG TÁC TƯ PHÁP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác tư pháp trên địa bàn, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- 1. Ban hành và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, quyết định, chỉ thị về công tác tư pháp ở cấp xã; theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.*
- 2. Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan Tư pháp cấp trên.*
- 3. Tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.*
- 4. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.*
- 5. Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật; tổ chức thực hiện ngày pháp luật; quản lý, khai thác, sử dụng Tủ sách pháp luật ở cấp xã.*
- 6. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật pháp luật về hòa giải ở cơ sở; thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận, quyết định thôi làm tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên ở địa phương; tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, thống kê số liệu về công tác hòa giải ở cơ sở; khen thưởng về hòa giải ở cơ sở.*
- 7. Tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; thực hiện các biện pháp xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.*
- 8. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao Trích lục hộ tịch; quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch.*
- 9. Thực hiện cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản và chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định pháp luật.*
- 10. Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.*
- 11. Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong thi hành án dân sự, thi hành án hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật.*

12. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác tư pháp được giao với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tư pháp. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tư pháp tại địa phương theo quy định.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Công chức Tư pháp - Hộ tịch

1. Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng công chức Tư pháp-Hộ tịch ở cấp xã, bảo đảm bố trí đủ biên chế, đúng tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ cho chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch ở mỗi đơn vị cấp xã; không bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch đảm nhiệm hoặc kiêm nhiệm công tác khác; ưu tiên bố trí công chức tư pháp - hộ tịch làm công tác hộ tịch chuyên trách tại các xã, phường, thị trấn là đơn vị hành chính cấp xã loại 1, loại 2 có đông dân cư, số lượng công việc hộ tịch nhiều.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2018.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp; phân bổ biên chế để thành lập đủ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp theo hướng dẫn tại Thông tư này; căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể, chia tách, tổ chức lại các tổ chức sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Phòng Tư pháp; biên chế công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; không bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm công tác khác;

c) Tổ chức triển khai hoạt động và rà soát, sắp xếp, bố trí biên chế, công chức thực hiện công tác pháp chế trong tổng số biên chế công chức của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phù hợp với chức năng và bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

d) Chỉ đạo Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện khẩn trương xây dựng, thẩm định Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện và Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định; thực hiện việc rà soát biên chế công chức, viên chức để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền phân bổ, điều chỉnh số lượng biên chế công chức và biên chế viên chức trong tổng số biên chế được giao cho Sở Tư pháp bảo đảm triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Định kỳ hàng năm, thực hiện việc rà soát và báo cáo Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức cán bộ của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, tổ chức cán bộ pháp chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Nội chính Trung ương;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Sở Tư pháp, Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCCB Bộ Tư pháp (3b).

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long

Số: /TTr-TCCB

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Kính gửi: Bộ trưởng Lê Thành Long

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC XÂY DỰNG THÔNG TƯ THAY THẾ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 23/2014/TTLT-BTP-BNV

1. Về sự cần thiết phải ban hành Thông tư

Ngày 22/12/2014, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BVN hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 23). Qua gần 04 năm thực hiện, Thông tư liên tịch số 23 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương thực hiện kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan tư pháp trên địa bàn. Tuy nhiên, qua tổng hợp báo cáo của các địa phương và qua theo dõi của Vụ Tổ chức cán bộ, việc thực hiện Thông tư liên tịch số 23 đến nay đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập đòi hỏi cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cụ thể như:

- Về chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp: Trong thời gian qua, cùng với Bộ, các cơ quan tư pháp địa phương đã được giao thêm, bổ sung, tăng cường và làm rõ, sâu sắc hơn nhiều chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, Luật trợ giúp pháp lý năm 2017, Luật phá sản và Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về hòa giải thương mại. Bên cạnh đó, nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính đã được chuyển giao từ Sở Tư pháp sang Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh... Do đó,

cần rà soát, cập nhật, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và Tư pháp cấp xã để bảo đảm xác định đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương.

- Về cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp:

+ Đối với Sở Tư pháp: Theo quy định của Thông tư liên tịch số 23, cơ cấu tổ chức của các Sở Tư pháp (trừ Sở Tư pháp Hà Nội và Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng) được hướng dẫn kiện toàn thống nhất gồm có Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và 06 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương, tính đến tháng 11/2017, 03/63 tỉnh được kiện toàn gồm 04 Phòng (Sở Tư pháp các tỉnh Bắc Kạn, Quảng Ninh, Quảng Trị); 36/63 Sở Tư pháp được kiện toàn gồm 05 Phòng (đã thực hiện chuyển giao Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính sang Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); 19/63 Sở được kiện toàn gồm 06 Phòng; 03/63 Sở được kiện toàn gồm 07 Phòng (Sở Tư pháp các tỉnh Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng được thành lập Phòng Lý lịch Tư pháp theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt); 02/63 tỉnh được kiện toàn gồm 11 Phòng (Sở Tư pháp thành phố Hà Nội, Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh). *Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo.*

Việc Thông tư liên tịch số 23 hướng dẫn thống nhất việc thành lập các phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp đã góp phần thống nhất về đầu mối quản lý các lĩnh vực công tác tư pháp của các Sở Tư pháp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong việc phối hợp, liên hệ công tác.

Tuy nhiên, việc thực hiện cơ cấu tổ chức của các Sở Tư pháp theo quy định của Thông tư liên tịch số 23 hiện nay cũng bộ lộ những bất cập do biên chế hành chính được giao cho Sở Tư pháp hiện nay còn khá hạn chế, tình trạng các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp chỉ bố trí được từ 2-3 biên chế/Phòng diễn ra khá phổ biến (*xin xem tại Phụ lục kèm theo*). Thực trạng này dẫn đến những hạn chế, bất cập nhất định trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các Sở Tư pháp. Hơn nữa, khối lượng công việc tại các Sở Tư pháp, giữa các Phòng chuyên môn thuộc Sở cũng có sự khác biệt tùy theo từng địa bàn và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, do đó dẫn đến sự không đồng đều trong việc bố trí, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chuyên môn thuộc Sở.

+ Đối với Phòng Tư pháp: Thông tư liên tịch số 23 quy định cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp gồm có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức khác. Qua theo dõi, tổng hợp báo cáo của các địa phương, hiện nay trung bình mỗi Phòng Tư pháp trên cả nước có 4,6 công chức/Phòng. Việc thực hiện cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp theo quy định của Thông tư liên tịch số 23 trong bối cảnh thực hiện chủ trương tinh giản tổ

chức bộ máy, biên chế hiện nay về cơ bản là khó khả thi, đòi hỏi cần nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu thực thi nhiệm vụ.

- *Về việc sử dụng con dấu của Phòng Tư pháp*: Thông tư liên tịch số 23 không hướng dẫn, quy định cụ thể về việc sử dụng con dấu của Phòng Tư pháp. Tuy nhiên theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu (và trước đây là Nghị định 58/2001/NĐ-CP); Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chức thực hợp đồng, giao dịch, việc sử dụng con dấu của Phòng Tư pháp là rất quan trọng để thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Việc Thông tư liên tịch số 23 không có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng con dấu, tài khoản của Phòng Tư pháp đã dẫn đến những khó khăn, lúng túng nhất định trong quá trình thực hiện tại các địa phương. Do đó, việc bổ sung quy định về việc sử dụng con dấu, tài khoản của Phòng Tư pháp là rất cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thống nhất giữa các địa phương.

- *Về việc hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã*:

Thông tư liên tịch số 23 không có một chương riêng hướng dẫn về công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã như Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV, vì trong quá trình xây dựng Thông tư liên tịch số 23 có ý kiến cho rằng trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác tư pháp cấp xã đã được giao cho Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp thực hiện, trong khi đó, việc bố trí biên chế đội ngũ công chức xã, phường, thị trấn đã được hướng dẫn trong các văn bản có liên quan của Bộ Nội vụ. Do đó, các thông tư liên tịch giữa các Bộ, ngành và Bộ Nội vụ đều được thống nhất xây dựng theo hướng chỉ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với các cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

Hiện nay, các quy định về chức năng, nhiệm vụ và việc bố trí đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch đang nằm trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, như: Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 giữa Bộ Nội vụ, Bộ Tài Chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

Thực tế này dẫn đến việc khai công tác tư pháp cấp xã còn nhiều khó khăn do chưa bao quát được hết các nhiệm vụ theo quy định, chất lượng và hiệu quả quản lý còn thấp, gây ảnh hưởng nhất định tới quyền và lợi ích của công dân, hạn chế tới sự phát triển kinh tế - xã hội và quản lý thống nhất công tác tư pháp từ Trung ương tới cơ sở. Do đó, việc nghiên cứu, bổ sung quy định hướng dẫn về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc UBND cấp xã trong Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23 là rất cần thiết.

2. Về cơ sở pháp lý của việc xây dựng Thông tư

- Luật tổ chức chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng trong việc: “Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công; ban hành hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách phát triển ngành, lĩnh vực được phân công” và “Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực được phân công hoặc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao” (khoản 4, Điều 34; khoản 1 Điều 36 Luật tổ chức chính phủ).

- Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ quy định quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc: “Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương” (khoản 6, Điều 13, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP).

- Nghị định/2018/NĐ-CP ngày...../..../2018 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Nghị định/2018/NĐ-CP ngày...../..../2018 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

II. VỀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan tư pháp địa phương được xác định trên cơ sở định hướng về xây dựng và phát triển ngành Tư pháp để thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và các định hướng về xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước của Đảng và Nhà nước. Cụ thể:

1. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước mà trực tiếp là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Luật tổ chức chính phủ, Luật tổ chức chính quyền địa phương và định hướng sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Rà soát, hệ thống hóa đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương thống nhất từ cấp tỉnh tới cấp xã theo các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, bảo đảm quy định rõ ràng, cụ thể, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương; đồng thời tạo điều kiện để phát huy tính chủ động của các cơ quan tư pháp địa phương trong việc tham mưu, giúp UBND các cấp trong việc quản lý công tác tư pháp tại địa phương, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN.

3. Xác định cơ cấu tổ chức của các cơ quan tư pháp địa phương một cách hợp lý, đủ để bao quát toàn bộ các nhiệm vụ quản lý công tác tư pháp tại địa phương, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức thực hiện nhiều việc, nhưng một việc không giao nhiều tổ chức cùng chịu trách nhiệm; những việc có liên quan đến nhiều tổ chức thì có một đầu mối chịu trách nhiệm tổng thể.

4. Kế thừa và phát triển các nội dung hợp lý trong quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Trên cơ sở báo cáo, đánh giá và kiến nghị cụ thể của các địa phương và kết quả kiểm tra, khảo sát thực tế của Bộ Tư pháp tại một số địa phương, ngày /...../2018, Bộ Tư pháp đã có báo cáo số/BC-BTP về việc tổng kết Thông tư liên tịch số 23. Kết quả tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 23 là cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đề xuất xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23.

Trên cơ sở nghiên cứu, rà soát các quy định của pháp luật có liên quan, thực hiện Kế hoạch công tác năm 2018 của Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tổ chức cán bộ đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã (thay thế cho Thông tư liên tịch số 23).

- Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và của các Bộ, ngành có liên quan (Bộ Nội vụ); ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Tư pháp về nội dung dự thảo Thông tư;

- Gửi lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến đóng góp cho Dự thảo Thông tư.

- Tổ chức 02 Hội thảo lấy ý kiến về dự thảo Thông tư và các tài liệu kèm theo tại.....

- Phối hợp với Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật tổ chức cuộc họp Hội đồng tư vấn thẩm định Dự thảo Thông tư ngày...../2018.

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Vụ Tổ chức cán bộ đã tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Thông tư.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bộ cục của Dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 04 Chương và 10 Điều, cụ thể như sau:

- **Chương I:** Sở Tư pháp, gồm 03 Điều (từ Điều 01 đến Điều 03), quy định về vị trí chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Chương II:** Phòng Tư pháp, gồm 03 Điều (từ Điều 04 đến Điều 06), quy định về vị trí chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Chương III:** Công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã, gồm 02 Điều (từ Điều 07 và Điều 08), quy định nhiệm vụ, quyền hạn và việc bố trí đội ngũ công chức Tư pháp – Hộ tịch.

- **Chương IV:** Tổ chức thực hiện, gồm 02 Điều (Điều 09 và Điều 10).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

2.1. Về vị trí, chức năng của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bổ sung các chức năng, nhiệm vụ mới được giao cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cụ thể như: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật trợ giúp pháp lý, Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước, nhiệm vụ về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật phá sản và Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tại sản; nhiệm vụ về hòa giải thương mại theo quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về hòa giải thương mại....

- Bổ sung quy định về con dấu, tài khoản của Phòng Tư pháp để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 9, Điều 8 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu, trong đó có quy định: cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là chủ thể được sử dụng con dấu có hình biểu tượng hoặc không có hình biểu tượng (không có hình Quốc huy). Đồng thời, Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Tư pháp thực hiện chứng thực, ký chứng thực và đóng dấu của Phòng Tư pháp.

2.2. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Sau khi Thông tư liên tịch số 23 được ban hành, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương tiếp tục được củng cố, tăng cường theo các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, đòi hỏi cần được nghiên cứu rà soát, hệ thống hóa trong Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23, cụ thể như sau:

- Về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: nghiên cứu, bổ sung các nhiệm vụ mới được giao cho các cơ quan tư pháp địa phương theo quy định

của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, kiểm tra việc đề nghị ban hành quyết định báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; thẩm định dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- *Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính*: theo quy định của Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tổ chức lại Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở chuyển giao Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Sở Tư pháp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Sở Tư pháp chỉ có ý kiến về thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL, dự thảo văn bản QPPL (trong trường hợp được Luật giao).

- *Về công tác bồi thường nhà nước*: nghiên cứu, bổ sung các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp địa phương trong công tác bồi thường nhà nước, bảo đảm phát huy vai trò của các cơ quan tư pháp địa phương với vai trò là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân các cấp quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương.

- *Về công tác trợ giúp pháp lý*: nghiên cứu, bổ sung các nhiệm vụ, quyền hạn mới của các cơ quan tư pháp địa phương trong công tác trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017, cụ thể như: xác định yêu cầu trợ giúp pháp lý, lập kế hoạch và lựa chọn tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với các tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý; công bố danh sách các tổ chức, danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương.

- *Về công tác hỗ trợ tư pháp*: nghiên cứu, bổ sung các nhiệm vụ, quyền hạn mới được giao cho các cơ quan tư pháp địa phương trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, cụ thể như: quản lý hoạt động thừa phát lại theo Nghị quyết số 107/2015/NQ-QH13 ngày 29/11/2015 của Quốc hội; nhiệm vụ về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật phá sản và Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tại sản.

2.3. Về việc hướng dẫn kiến toàn tổ chức, biên chế các cơ quan tư pháp địa phương

2.3.1. Về đề xuất hướng dẫn kiến toàn cơ cấu tổ chức, biên chế của các Sở Tư pháp

2.3.1.1 Về các tổ chức hành chính

Hiện nay dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP (Bộ Tư pháp đã thẩm định ngày 14/6/2018) dự kiến quy định cơ cấu tổ chức của Sở gồm: (1) Văn phòng; (2) Thanh tra; (3) Phòng chuyên môn, nghiệp vụ; (4) Chi cục và các tổ chức tương đương; (5) đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, không nhất thiết các Sở đều có các tổ chức (2); (4); (5). Đồng thời, dự thảo Nghị định đã quy định về điều kiện thành lập các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Thanh tra của Sở được quy định cụ thể như sau:

a) *Đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:* (i) Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; các mảng, lĩnh vực công tác do phòng phụ trách phải có quy trình quản lý hoặc đối tượng quản lý rõ ràng phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực của sở; (ii) Khối lượng công việc yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 07 biên chế trở lên đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt; tối thiểu từ 06 biên chế trở lên đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 1; tối thiểu từ 05 biên chế trở lên đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 2 và loại 3.

c) *Đối với thanh tra sở:* (i) Thanh tra sở được thành lập tại sở được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc theo quy định của pháp luật. (ii) Có đối tượng thanh tra theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, dự thảo Thông tư đã đề xuất quy định loại các phòng thuộc Sở như sau: (i) Văn Phòng; (ii) Thanh tra; (iii) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ. Trong đó, Văn phòng và Thanh tra là 02 tổ chức cứng (theo quy định tại Điều 4 và Điều 23 Luật Thanh tra thì Thanh tra sở là tổ chức bắt buộc phải thành lập)¹. Đối với Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp dự thảo đang đề xuất theo hướng gắn với biên chế được giao cho Sở Tư pháp và tiêu chí thành lập Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở theo nội dung dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, như sau:

¹ Theo quy định tại Điều 4 và Điều 23 Luật Thanh tra thì: Thanh tra sở là cơ quan của sở, giúp Giám đốc sở tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật; Thanh tra sở được thành lập ở những sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc theo quy định của pháp luật.

* **Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt (thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh)**, Sở Tư pháp được thành lập tối đa 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ sau:

(1) Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (quản lý công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, công tác pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp);

(2) Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

(3) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật (quản lý công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn tiếp cận pháp luật);

(4) Phòng Hành chính tư pháp (quản lý công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, bồi thường nhà nước, đăng ký giao dịch bảo đảm);

(5) Phòng Hỗ trợ tư pháp (quản lý công tác luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại (nếu có), trợ giúp pháp lý, thừa phát lại (nếu có) và các lĩnh vực tư pháp khác);

(6) Phòng Lý lịch tư pháp.

* **Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I (thành phố trực thuộc trung ương)**, Sở Tư pháp được thành lập tối đa 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ sau:

(1) Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật (bao gồm chức năng, nhiệm vụ của Phòng xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật như Sở Tư pháp của đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt nêu trên);

(2) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật;

(3) Phòng Hành chính tư pháp;

(4) Phòng Hỗ trợ tư pháp;

(5) Phòng Lý lịch tư pháp (thành lập theo Đề án của Thủ tướng Chính phủ).

* **Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II và Loại III**, Sở Tư pháp được thành lập tối đa 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ sau:

(1) Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật;

(2) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật;

(3) Phòng Hành chính tư pháp (bao gồm chức năng, nhiệm vụ của Phòng Hành chính tư pháp và Phòng Lý lịch tư pháp như Sở Tư pháp của đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I nêu trên);

(4) Phòng Hỗ trợ tư pháp.

Trường hợp Sở Tư pháp không đủ điều kiện thành lập đủ số lượng phòng như đã nêu trên (tối thiểu 56 biên chế đối với Sở thuộc cấp tỉnh loại đặc biệt (7 biên chế/phòng x 8 phòng, gồm cả Văn phòng và Thanh tra), 42 biên chế đối với cấp tỉnh loại I thì thành lập số lượng và tên phòng như số lượng và tên phòng của Sở thuộc tỉnh loại thấp hơn.

Đối với Sở Tư pháp thuộc tỉnh loại II và III nếu không đủ biên chế để thành lập phòng theo hướng dẫn trên thì Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp theo hướng gồm 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ như sau: (1) Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật; (2) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật; (3) Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp (bao gồm chức năng, nhiệm vụ của Phòng Hành chính tư pháp và Phòng hỗ trợ tư pháp như Sở Tư pháp của đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II, loại III nêu trên).

Trường hợp Sở Tư pháp các thành phố trực thuộc trung ương (Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần thơ) thành lập Phòng Lý lịch tư pháp dẫn đến việc không thành lập được các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác (không đủ biên chế), thì UBND tỉnh xây dựng Đề án, thống nhất với Bộ Tư pháp trước khi thực hiện.

Trường hợp, Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đủ điều kiện thành lập trên 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét việc thành lập Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở.

* Đề xuất trên có ưu điểm là: Bảo đảm phù hợp với tiêu chí thành lập Phòng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP qua đó vừa bảo đảm việc xác định quy mô phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính cấp tỉnh và số lượng biên chế tối thiểu đối với từng loại hình tổ chức thuộc sở, khắc phục tình trạng thành lập một số tổ chức thuộc một số Sở Tư pháp có quy mô quá nhỏ (có từ 2-3 biên chế đối với phòng) như hiện nay; đồng thời phương án này sẽ bảo đảm thực hiện chủ trương tinh giản tổ chức bộ máy, biên chế của

các Sở Tư pháp theo yêu cầu của Đảng, Chính phủ hiện nay². Tuy nhiên có hạn chế là phải sắp xếp lại cấp phòng đối với một số Sở Tư pháp.

Đối với việc kiện toàn tổ chức, biên chế của các tổ chức hành chính thuộc Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh sẽ quy định sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV.

2.3.1.2 Về các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở

Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, hiện nay Bộ Tư pháp đang khẩn trương xây dựng Thông tư quy định “**Tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp**” để triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước. Trong thời gian chưa kịp ban hành các văn bản trên, Vụ Tổ chức cán bộ sẽ xây dựng văn bản đề xuất Bộ trưởng đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tiếp tục quan tâm đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động công chứng, đấu giá, đẩy mạnh thực hiện tư chủ chi thường xuyên và chi đầu tư theo chủ trương của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 08/NQ-CP, Luật công chứng và Luật đấu giá tài sản với lộ trình phù hợp, bảo đảm mỗi địa phương có tổ chức đấu giá, công chứng của nhà nước khi chưa đủ điều kiện xã hội hóa toàn bộ các hoạt động sự nghiệp này trên địa bàn tỉnh; tiếp tục duy trì các tổ chức sự nghiệp này khi đã tư chủ về tài chính để dẫn dắt, định hướng hoạt động sự nghiệp cũng như an toàn pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

- Trường hợp địa phương giải thể Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, UBND chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng Đề án, trao đổi, thống nhất với Bộ Tư pháp trước khi thực hiện.

² Qua theo tổng hợp số liệu tình hình tổ chức, cán bộ của các cơ quan tư pháp địa phương, tính đến tháng 11/2017 có 15/63 Sở Tư pháp có số biên chế thực hiện dưới 30 biên chế (dự kiến sẽ được tổ chức lại gồm Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và 03 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ); 42/63 Sở Tư pháp có số biên chế thực hiện từ 30-42 biên chế (dự kiến sẽ được tổ chức lại thành Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và 04 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ); 4/63 Sở Tư pháp có số biên chế thực hiện trên 42 biên chế (dự kiến sẽ được tổ chức lại thành Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và 05 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ). 02/63 Sở Tư pháp thuộc đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt (thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) được tổ chức lại thành Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và 06 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ. Dự kiến sẽ giảm 92 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ so với hiện nay (hiện nay cả nước có 463 Phòng).

3.2. Về đề xuất hướng dẫn kiến toàn cơ cấu tổ chức, biên chế của các Phòng Tư pháp

Theo dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP, Phòng Tư pháp là một trong những cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất tại Ủy ban nhân dân cấp huyện. Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất: :

Cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các công chức khác. Số lượng phó trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Về việc hướng dẫn công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã

Xuất phát từ thực tiễn công tác tư pháp của UBND cấp xã có vị trí hết sức quan trọng, là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách, pháp luật và các nhiệm vụ công tác của ngành Tư pháp và là nơi giải quyết các công việc, yêu cầu của người dân và doanh nghiệp; đồng thời, (i) theo quy định tại khoản 4, Điều 34 Luật tổ chức Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn: “*Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công; ban hành hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách phát triển ngành, lĩnh vực được phân công*”; (ii) tại khoản 1 Điều 36 Luật tổ chức chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm: “*Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực được phân công hoặc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao*”, do đó, việc Bộ Tư pháp hướng dẫn nhiệm vụ công tác tư pháp của UBND cấp xã là có cơ sở. Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất như sau:

- *Phương án 1*: Rà soát, bổ sung **01 Chương mới** hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với công tác tư pháp trên địa bàn và hướng dẫn việc bố trí đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch.

Dự thảo Thông tư đang thể hiện theo Phương án này.

Phương án 2: Tiếp tục thực hiện theo hướng như quy định của Thông tư liên tịch số 23, theo đó quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ các công việc của tư pháp cấp xã (trong đó rà soát, hệ thống hóa các nhiệm vụ được giao cho đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch).

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

1. Về số lượng các phòng chuyên môn thuộc Sở

Có ý kiến đề nghị cần nhắc quy định số lượng phòng chuyên môn của Sở Tư pháp thuộc cấp tỉnh loại III là 03 phòng vì đây là Sở thuộc tỉnh loại thấp nhất và các Sở Tư pháp các tỉnh này cũng được giao số lượng biên chế rất hạn chế.

Các phòng chuyên môn dự kiến gồm: (1) Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; (2) Phòng Phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật; Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp.

Ban soạn thảo nhận thấy, theo tiêu chí thành lập phòng trong sự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, thì số lượng biên chế để được thành lập phòng chuyên môn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh loại II và III là như nhau (tối thiểu từ 05 biên chế trở lên/ phòng). Mặt khác, qua theo dõi, nắm bắt thì số lượng biên chế biên chế được giao cho Sở Tư pháp về cơ bản đều đạt trên 30 biên chế/Sở Tư pháp. Do đó, việc hướng dẫn kiện toàn các Phòng chuyên môn của Sở Tư pháp các tỉnh loại II và loại III theo hướng gồm có 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ là cơ bản phù hợp. Đồng thời, dự thảo Thông tư cũng bổ sung quy định quét: Trường hợp Sở Tư pháp thuộc tỉnh loại II và III nếu không đủ biên chế để thành lập phòng theo hướng dẫn trên thì Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp theo hướng gồm 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ như sau: (1) Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật; (2) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật; (3) Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp.

2. Về tên phòng

Có ý kiến đề nghị chỉ quy định số lượng phòng tối đa với các tiêu chí như trong sự thảo còn tên phòng thì phân cấp cho địa phương xem xét, quyết định.

Ban soạn thảo nhận thấy việc hướng dẫn thống nhất tên gọi các Phòng chuyên môn thuộc Sở theo từng nhóm tỉnh, thành phố theo dự thảo Thông tư là cần thiết để bảo đảm việc kiện toàn tổ chức các Phòng chuyên môn thuộc Sở được thực hiện thống nhất theo hướng bảo đảm đầu mỗi tổ chức các nhiệm vụ cơ bản của Sở Tư pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương và các đơn vị thuộc Bộ liên hệ công tác. Đồng thời, vẫn bảo đảm phù hợp với các quy định về tiêu chí thành lập Phòng chuyên môn thuộc Sở như đã nêu trên.

Tuy nhiên, có thể quy định tên phòng để thể hiện chức năng, nhiệm vụ cơ bản, một số nhiệm vụ như bồi thường, đăng ký,.. có thể do các Sở tự sắp xếp.

Ban soạn thảo trân trọng báo cáo và đề nghị Bộ trưởng xem xét, ký ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV./.

Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo Thông tư và Bảng so sánh;

- Dự thảo Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV;

BỘ TƯ PHÁP

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ngày 22/12/2014, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV), Bộ Tư pháp xin báo cáo kết quả tổng hợp tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV tại các địa phương cụ thể như sau:

I. Tình hình triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV

Việc củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ của các cơ quan tư pháp địa phương được Lãnh đạo Bộ Tư pháp xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành Tư pháp, có ý nghĩa quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao. Ngay sau khi Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV được ban hành và có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV cụ thể như sau: Quyết định số 285/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, đồng thời, ngày 13/02/2015, Bộ Tư pháp cũng có Công văn số 503/BTP-TCCB gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị phối hợp triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, trong đó xác định cụ thể trách nhiệm của các địa phương trong việc ban hành các văn bản, đề án triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV tại địa phương, cụ thể như: (i) ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV tại địa phương; (ii) ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan tư pháp địa phương theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV; (iii) ban hành tiêu chuẩn

Trưởng phòng, Phó trưởng Phòng Tư pháp; xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức cán bộ và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã.

Đồng thời, nhằm hướng dẫn, kịp thời theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV tại các địa phương, trong các năm 2015 và 2016, Bộ Tư pháp đã ban hành và thực hiện kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Tư pháp và trực tiếp đến kiểm tra, làm việc tại 14 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp địa phương, trọng tâm là việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, Bộ Tư pháp cũng nhận được một số văn bản đề nghị hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan tư pháp địa phương theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, đặc biệt là các quy định về việc sử dụng con dấu, tài khoản, tư cách pháp nhân của Phòng Tư pháp và đã kịp thời có các văn bản trả lời những kiến nghị, đề xuất của các cơ quan tư pháp địa phương theo quy định.

Đối với các địa phương, ngay sau khi Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện. Tính đến 31/10/2017, có 50/63 tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV tại địa phương; 63/63 Sở Tư pháp đã ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp theo quy định; một số Sở Tư pháp đã kịp thời tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng Phòng Tư pháp theo quy định.

Việc phổ biến, quán triệt Thông tư liên tịch số 23/2009/TTLT-BTP-BNV được thực hiện nghiêm túc, với hình thức cụ thể, thiết thực. Sở Tư pháp đã tổ chức phổ biến, quán triệt, lồng ghép trong các hội nghị, hội thảo, tập huấn các nội dung cơ bản của các văn bản trên cho cán bộ Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Tư pháp cấp xã, cán bộ làm công tác pháp chế của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, giám định viên, luật sư; đồng thời phổ biến, tuyên truyền rộng rãi hai văn bản trên thông qua các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương như Bản tin Tư pháp, Báo, đài Phát thanh và truyền hình của tỉnh.

Ở nhiều địa phương, Sở Tư pháp đã phối hợp với Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra, rà soát để đánh giá toàn diện thực trạng việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng và việc bố trí, sắp xếp cán bộ của Sở Tư pháp, tổ chức pháp chế của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (sau đây gọi là tổ chức

pháp chế), Phòng Tư pháp và Tư pháp cấp xã theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ. Thông qua việc kiểm tra, rà soát đã đánh giá được số lượng, cơ cấu về độ tuổi, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp từ tỉnh đến cơ sở; đồng thời, cũng phát hiện những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng cũng như thực trạng của đội ngũ công chức tư pháp.

2. Về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan tư pháp địa phương theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV

2.1. Đối với Sở Tư pháp

- Về cơ cấu tổ chức: Điểm mới của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV so với quy định của Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV là đã quy định theo hướng thống nhất về số lượng, tên gọi và chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp nhằm tạo điều kiện thống nhất đầu mối quản lý giữa Bộ Tư pháp và các đơn vị thuộc Sở Tư pháp, cũng như tạo sự thống nhất, thuận tiện cho việc liên hệ, phối hợp công tác giữa các Sở Tư pháp. Theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, cơ cấu tổ chức của các Sở Tư pháp được quy định cụ thể như sau:

+ Đối với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức thuộc Sở Tư pháp được thành lập phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, bao gồm Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và không quá 09 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ; trường hợp vượt quá thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xây dựng Đề án thành lập tổ chức và phải thống nhất với Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp trước khi quyết định.

+ Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp có Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và 06 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ như sau: (i) Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; (ii) Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính; (iii) Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật; (iv) Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật; (v) Phòng Hành chính tư pháp; (vi) Phòng Hỗ trợ tư pháp. Ngoài ra, việc thành lập Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở hoặc bộ phận tổ chức cán bộ thuộc Văn phòng Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, đồng thời, Phòng Lý lịch tư pháp được thành lập tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo Quyết định 2369/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, cơ cấu tổ chức Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về cơ bản việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tên gọi của các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các Sở Tư pháp đã được thực hiện phù hợp theo quy định của Thông tư liên

tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV. Tính đến tháng 31/10/2017, **03/63** tỉnh được kiện toàn gồm 06 Phòng (Sở Tư pháp các tỉnh Bắc Kạn, Quảng Ninh, Quảng Trị); **36/63** Sở Tư pháp được kiện toàn gồm 07 Phòng (đã thực hiện chuyển giao Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính sang Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); **19/63** Sở được kiện toàn gồm 08 Phòng; **03/63** Sở được kiện toàn gồm 09 Phòng (Sở Tư pháp các tỉnh Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng); **02/63** tỉnh được kiện toàn gồm 11 Phòng (Sở Tư pháp thành phố Hà Nội, Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

- Về đội ngũ cán bộ, công chức: Bên cạnh việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức thì đội ngũ cán bộ, công chức của Sở Tư pháp cũng được quan tâm xây dựng, củng cố về số lượng, nâng cao chất lượng. Tính đến ngày 31/10/2017, tổng số công chức, viên chức và người lao động đang làm việc tại các Sở Tư pháp là 5324 người. Trong đó, số lượng cán bộ thuộc các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp (không tính các đơn vị sự nghiệp) là 2.467 công chức, chiếm 46,33% tổng số công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các Sở Tư pháp, đạt bình quân 39,1 cán bộ/Sở Tư pháp¹.

Đối với việc hướng dẫn kiện toàn biên chế các Phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp, mặc dù Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV có quy định: “Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm của công tác tư pháp ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đủ biên chế, đúng tiêu chuẩn theo vị trí việc làm cho Sở Tư pháp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, bảo đảm mỗi Phòng chuyên môn thuộc Sở có Trưởng phòng, không quá 02 Phó trưởng phòng và các công chức khác”. Tuy nhiên, việc kiện toàn biên các Phòng chuyên môn thuộc các Sở Tư pháp còn hạn chế, nhất là ở những nơi có khó khăn về nguồn cán bộ.

2.2. Đối với Phòng Tư pháp

Tại các địa phương, Sở Tư pháp đã phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn hoặc liên tịch hướng dẫn UBND cấp huyện ban hành quyết định mới quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Phòng Tư pháp theo Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, đảm bảo phù hợp với thực tế về khối lượng, tính chất, đặc điểm công tác tư pháp cấp huyện. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, tổ chức của Phòng Tư pháp được quy định gồm có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức khác. Thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, cơ cấu tổ chức, biên chế

¹ Một số tỉnh, thành phố đã bố trí được nhiều công chức trong các đơn vị tham mưu, quản lý như thành phố Hồ Chí Minh (105 biên chế), Hà Nội (75 biên chế), Cần Thơ (47 biên chế), Đồng Nai, Hải Phòng, Thanh Hoá...; tuy nhiên vẫn còn 08 Sở Tư pháp được bố trí dưới 30 cán bộ như: Đà Nẵng, Gia Lai, Hà Tĩnh, Hải Dương, Lai Châu, Quảng Trị, Tây Ninh, Tuyên Quang.

của các Phòng Tư pháp trên cả nước là 3245 người, trong đó có 2949 công chức và 296 cán bộ HD68. Bình quân đạt 4,5 người/Phòng Tư pháp.

3. Về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV

Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV đã rà soát, hệ thống hóa các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mới được giao cho các cơ quan tư pháp địa phương theo các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, cụ thể như:

- Bổ sung chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan tư pháp địa phương trong các lĩnh vực như: kiểm soát thủ tục hành chính, bồi thường nhà nước, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Sửa đổi, bổ sung và biên tập lại các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương trong các lĩnh vực như: theo dõi thi hành pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng xã, phường, thị trấn tiếp cận pháp luật; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; công chứng; luật sư; tư vấn pháp luật; bán đấu giá tài sản; giám định tư pháp; đăng ký giao dịch bảo đảm; công tác pháp chế. Đồng thời, sau khi Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV được ban hành, các cơ quan tư pháp địa phương tiếp tục được củng cố, tăng cường chức năng, nhiệm vụ trong một số lĩnh vực như: thừa phát lại; quản lý hoạt động quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; quản lý hoạt động hòa giải thương mại... Qua đó cho thấy Bộ, ngành Tư pháp ngày càng được tin tưởng, giao thêm nhiều chức năng, nhiệm vụ mới, khẳng định vị thế, vai trò của Bộ, Ngành trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên, qua kết quả báo cáo, tổng kết công tác tư pháp năm 2016 và kết luận của Bộ trưởng tại Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2017 có thể thấy, các mặt công tác của Bộ, ngành Tư pháp đã được triển khai toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm từ Trung ương đến địa phương, bám sát các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ. Đặc biệt là việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần xây dựng Chính phủ liên chính, kiến tạo, phát triển, hành động quyết liệt phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc triển khai các nhiệm vụ mới được giao cho ngành Tư pháp như: công tác quản lý nhà nước về kiểm soát thủ tục hành chính, xử lý vi phạm hành chính; công tác quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, bồi thường nhà nước... cũng đã được tổ chức triển khai thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự cố gắng, nỗ lực lớn từ các cơ quan tư pháp địa phương trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Về một số khó khăn, vướng mắc

Tuy nhiên, sau hơn bốn năm triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, nhiều quy định của Thông tư không còn phù hợp với các văn bản mới được ban hành cũng như thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp địa phương, cụ thể như sau:

- Một số quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp địa phương theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV trong các lĩnh vực như: công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; công tác bồi thường nhà nước; công tác trợ giúp pháp lý; công tác hỗ trợ tư pháp cần được rà soát, cập nhật để bảo đảm phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành trong các lĩnh vực nêu trên.

- Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV không quy định cụ thể việc sử dụng con dấu, tài khoản, tư cách pháp nhân của Phòng Tư pháp và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã, do đó việc thực hiện các quy định nêu trên tại một số địa phương còn thiếu thống nhất, gây khó khăn cho các cơ quan tư pháp địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Việc phân cấp trong một số lĩnh vực của Bộ, Ngành trong thời gian qua còn lúng túng; chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp có việc chưa tập trung vào việc tham mưu, quản lý vĩ mô, đặc biệt là trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; có những việc Bộ đang làm mang tính sự vụ; có việc cấp tỉnh, cấp huyện có thể làm được. Ngược lại, có những việc Bộ cần quản lý thống nhất nhưng đang được phân cấp cho cấp dưới, thậm chí cấp xã thực hiện. Do vậy, trong thời gian tới cần nghiên cứu lại việc phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV không quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực tư pháp nên việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã, cũng như việc xác định vị trí việc làm và định biên cho công chức Tư pháp – Hộ tịch ở các địa phương gặp nhiều khó khăn.

II. Một số giải pháp và đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Bộ Nội vụ

Đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm, phối hợp hiệu quả hơn nữa với Bộ Tư pháp trong việc xây dựng thể chế, chính sách liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, ngành Tư pháp, trong đó có cơ quan tư pháp địa phương; phối hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo việc củng cố, kiện toàn các cơ quan tư pháp địa phương, đặc biệt những địa phương mà việc kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ quan tư pháp còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác tư pháp, pháp chế trên địa bàn Tỉnh, góp phần vào việc hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Chỉ đạo Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn để xem xét, cân đối từ nguồn biên chế được giao của Tỉnh trên cơ sở đó có kế hoạch, giải pháp cụ thể để bố trí, kiện toàn biên chế của Sở Tư pháp theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và các văn bản có liên quan, sớm khắc phục khó khăn về biên chế của Sở Tư pháp, đảm bảo việc quản lý và sử dụng công chức, viên chức phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp trên địa bàn Tỉnh tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

3. Các đơn vị thuộc Bộ chủ động nghiên cứu, đề xuất đẩy mạnh cơ chế phân cấp, ủy quyền giữa Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các cấp trong lĩnh vực tư pháp nhằm bảo đảm sự quản lý thống nhất, toàn diện của Bộ trong các lĩnh vực tư pháp, đồng thời phát huy tính chủ động, phù hợp với điều kiện thực tiễn của các địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao nhằm phát huy tối đa nguồn lực của các địa phương.

4. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với đơn vị chức năng của Bộ Nội vụ và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV theo hướng:

- Về chức năng, nhiệm vụ: Sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương cho phù hợp với các văn bản mới được ban hành;

- Về cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp: Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp đảm bảo phù hợp với Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP;

- Nghiên cứu, bổ sung nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực tư pháp;

- Biên chế: Quy định về cơ cấu biên chế của các đơn vị thuộc Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và số lượng công chức Tư pháp - Hộ tịch đảm bảo đủ biên chế thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là dự thảo báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh./.

BỘ TƯ PHÁP

